

Số: 240/2018/QĐST-HNGĐ

Kinh Môn, ngày 21 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 301/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Huyền T, sinh năm 1996

ĐKKH: Thôn V, xã T2, huyện K, tỉnh Hải Dương

Trú tại: Thôn K1, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988

ĐKKH: Thôn V, xã T2, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi dưỡng con chung: Chị T, anh Q có một con chung cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 28/5/2018. Chị T, anh Q thoả thuận, khi ly hôn: Giao cho anh Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trà M. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh Q là 1 triệu đồng/tháng. Thời gian nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 8/2018 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T, anh Q đều xác định không có tài sản chung, **vay nợ chung. Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

- **Án phí:** Chị Trịnh Thị Huyền T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0001778 ngày 31/7/2018. Chị Trịnh Thị Huyền T đã chấp hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đ- ơng sự;
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THA dân sự huyện Kinh Môn;
- UBND xã T2, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- L- u hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Văn Khánh